

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ H
TỈNH HÀ GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2025/HS-ST
Ngày 12/03/2025

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H, TỈNH HÀ GIANG**

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Đỗ Thị Kim Quy.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Phiến, ông Doãn Duy Giáp.

- Thư ký phiên toà: Bà Tống Thị Nghĩa - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố H.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H tham gia phiên toà: Bà Hoàng Thị Tâm - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 03 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Hà Giang mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 04/2025/TLST-HS ngày 21 tháng 01 năm 2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2025/QĐXXST-HS ngày 26/02/2025 đối với các bị cáo:

1. Phạm Thị H, sinh năm 1964 tại huyện V, tỉnh Hà Giang; nơi cư trú: tổ 10, phường M, thành phố H, tỉnh Hà Giang; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 7/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Đinh Văn C và bà Phạm Thị N (đã chết); chồng: Lê Quang B; con: 02 con, con lớn sinh năm 1987, con nhỏ sinh năm 1991; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 30/10/2024 đến ngày 04/11/2024 được áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” tại tổ 10, phường M, thành phố H, tỉnh Hà Giang, có mặt tại phiên tòa.

2. Phan Xuân H1, sinh năm 1972 tại huyện X, tỉnh Nam Định; nơi cư trú: tổ 15, phường M, thành phố H, tỉnh Hà Giang; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 7/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Phan Xuân N (đã chết) và bà Đinh Thị T, sinh năm 1946; vợ: Nguyễn Thị H; con: 03 con, con lớn sinh năm 1996, con nhỏ nhất sinh năm 2008; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 30/10/2024 đến ngày 04/11/2024 được áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” tại tổ 15, phường M, thành phố H, tỉnh Hà Giang, có mặt tại phiên tòa.

3. Nguyễn Xuân T, sinh năm 1988 tại thành phố H, tỉnh Hà Giang; nơi cư trú: tổ 15, phường N, thành phố H, tỉnh Hà Giang; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc

tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Đức T1, sinh năm 1958 và bà Đỗ Thị B, sinh năm 1957; vợ: Phan Thị T3; con: 01 con sinh năm 2016; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 30/10/2024 đến ngày 04/11/2024 được áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” tại tổ 15, phường N, thành phố H, tỉnh Hà Giang, có mặt tại phiên tòa.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Ngô Duy G; địa chỉ: Tổ 17, phường N, thành phố H, tỉnh Hà Giang; có mặt.

2. Ông Nguyễn Xuân Th; địa chỉ: Tổ 10, phường M, thành phố H, tỉnh Hà Giang; vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

3. Ông Tăng Văn V; địa chỉ: Tổ 3, phường M, thành phố H, tỉnh Hà Giang; vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

4. Ông Nguyễn Trường K; địa chỉ: Tổ 11, phường T, thành phố H, tỉnh Hà Giang; có mặt.

5. Bà Lý Thị X; địa chỉ: Tổ 01, phường T, thành phố H, tỉnh Hà Giang; có mặt.

6. Ông Nguyễn Văn T; địa chỉ: Tổ 8, phường T, thành phố H, tỉnh Hà Giang; vắng mặt.

7. Anh Lê Quang H2; địa chỉ: Tổ 11, phường T, thành phố H, tỉnh Hà Giang; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 18 giờ 30 phút ngày 30/10/2024 tại Tổ 10, phường M, thành phố H, tỉnh Hà Giang, Công an thành phố H bắt quả tang Phạm Thị H (*Sinh năm: 1964, thường trú: Tổ 10, phường M, thành phố H, tỉnh Hà Giang*) về hành vi đánh bạc bằng hình thức mua bán số lô, số đề. Quá trình điều tra xác định diễn biến hành vi phạm tội của Phạm Thị H và các đồng phạm cụ thể như sau:

Bị cáo Phạm Thị H đã thực hiện hành vi đánh bạc bằng hình thức mua bán số lô, số đề thông qua tin nhắn trên điện thoại di động với 08 người gồm: Phan Xuân H1, Ngô Duy G, Nguyễn Xuân Th, Tăng Văn V, Nguyễn Trường K, Lý Thị X, Nguyễn Văn T và số thuê bao 0364.483.864 với tổng số tiền là 24.850.000đ (trong đó số tiền đề là 23.700.000đ, tiền lô là 1.150.000đ). Người chơi trúng thưởng số lô là 2.800.000đ, số đề là 21.000.000đ. Sau khi nhận số lô, số đề của người chơi bị cáo không gửi cho ai mà giữ lại để sau khi có kết quả xổ số bị cáo tự tính thắng thua với người chơi. Tổng số tiền bị cáo Phạm Thị H đánh bạc là tiền bán số lô, số đề cộng với tiền trúng thưởng là 48.650.000đ.

Cùng ngày 30/10/2024, tại tổ 15, phường N, thành phố H, bị cáo Phan Xuân H1 đã thực hiện hành vi đánh bạc bằng hình thức mua số đề với Phạm Thị H và đánh hộ bị cáo Nguyễn Xuân T số lô, số đề. Tổng số tiền là 41.930.000đ, trong đó: H1 trực tiếp đánh với số tiền là 11.040.000đ, chuyển hộ T là

7.490.000đ, số tiền trúng thưởng số lô là 2.400.000đ, số tiền trúng thưởng số đề là 21.000.000đ.

Bị cáo Nguyễn Xuân T chuyển số lô, số đề cho bị cáo Phan Xuân H1 để mua số lô, số đề với số tiền là 7.490.000đ. Bị cáo Nguyễn Xuân T bị cơ quan chức năng ngăn chặn trước khi có kết quả xổ số kiến thiết do đó không tính số tiền trúng thưởng của các số lô, số đề bị cáo T đã chuyển cho bị can H1. Vì vậy, xác định tổng số tiền đánh bạc của bị cáo Nguyễn Xuân T là 7.490.000 đồng.

- Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo H khai: Bị cáo làm đại lý bán vé xổ số của Công ty xổ số kiến thiết tỉnh Hà Giang. Nhận thấy người mua số lô, số đề thường sẽ thua nên bị cáo nảy sinh ý định trực tiếp đánh bạc cùng những người mua bằng hình thức bán các số lô, số đề cho những người mua không thông qua Công ty xổ số. Ngày 30/10/2024, bị cáo sử dụng điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 bên trong có gắn thẻ sim Viettel có số thuê bao 0329.558.740 để nhận các tin nhắn mua số lô, số đề của 08 người chơi cụ thể như sau:

1. Bị cáo Phan Xuân H1 sử dụng điện thoại di động có số thuê bao 0364.801.738 nhắn tin để mua các số lô với số tiền là 690.000đ, mua số đề với số tiền là 17.840.000đ, tổng số tiền H1 mua số lô, số đề là 18.530.000đ. Căn cứ kết quả xổ số kiến thiết miền Bắc mở thưởng ngày 30/10/2024, Phan Xuân H1 trúng thưởng 30 điểm lô số tiền là 2.400.000đ và trúng thưởng 300.000đ tiền mua số đề, số tiền là: 21.000.000đ. Tổng số tiền trúng thưởng là 23.400.000đ. Tổng số tiền mua số lô, số đề và tiền trúng thưởng của H là 41.930.000đ.

2. Ngô Duy G sử dụng điện thoại di động có số thuê bao 0967.520.616 nhắn tin mua các số đề của bị cáo với tổng số tiền là 1.550.000đ. Căn cứ vào kết quả xổ số kiến thiết miền Bắc, G không trúng thưởng.

3. Nguyễn Xuân Th sử dụng điện thoại di động có số thuê bao 0987.271.173 nhắn tin đến mua các số đề của bị cáo với số tiền là 350.000đ, Căn cứ vào kết quả xổ số kiến thiết miền Bắc, Th không trúng thưởng.

4. Tăng Văn V sử dụng điện thoại di động có số thuê bao 0398.474.862 nhắn tin để mua số đề của bị cáo với tổng số tiền là: 70.000đ. Căn cứ vào kết quả xổ số kiến thiết miền Bắc, V không trúng thưởng.

5. Nguyễn Trường K sử dụng điện thoại di động có số thuê bao 0976.077.558 nhắn tin để mua số lô là 460.000đ, mua số đề là 950.000đ, tổng số tiền mua số lô, số đề là 1.410.000đ. Căn cứ vào kết quả xổ số kiến thiết miền Bắc, xác định K trúng thưởng 05 điểm lô được trả thưởng 400.000đ. Tổng số tiền mua số lô, số đề và tiền trúng thưởng của K là 1.810.000đ.

6. Lý Thị X sử dụng điện thoại di động có số thuê bao 0375.602.269 nhắn tin mua số đề của bị cáo với số tiền là 340.000đ. Căn cứ vào kết quả xổ số kiến thiết miền Bắc, X không trúng thưởng.

7. Nguyễn Văn T sử dụng điện thoại di động có số thuê bao 0915.765.528 nhắn tin mua số đề với số tiền là 600.000đ. Căn cứ vào kết quả xổ số kiến thiết miền Bắc, T không trúng thưởng.

8. Số thuê bao 0364.483.865 nhắn tin đến mua số đề với tổng số tiền là: 2.000.000đ. Căn cứ vào kết quả xổ số kiến thiết miền Bắc mở thưởng ngày 30/10/2024, xác định người sử dụng số thuê bao 0364.483.865 không trúng thưởng.

Như vậy, bị cáo H nhận tin nhắn mua số lô, số đề của 08 người chơi với tổng số tiền là 24.850.000đ (số tiền đề là 23.700.000đ, tiền lô là 1.150.000đ). Người chơi trúng thưởng số lô là 2.800.000đ, số đề là 21.000.000đ. Sau khi nhận số lô, số đề của người chơi bị cáo H không gửi cho ai mà giữ lại để sau khi có kết quả xổ số bị cáo tự tính thắng thua với người chơi. Tổng số tiền bị cáo đánh bạc và tiền trúng thưởng là 48.650.000đ. Sau khi trừ đi % chiết khấu của tiền đề, số tiền bị cáo sẽ được nhận được của người chơi là 20.110.000đ.

- Bị cáo Phan Xuân H1 khai: Ngày 30/10/2024, bị cáo sử dụng điện thoại di động nhãn hiệu Iphone Xr, vỏ màu đen có lắp thẻ sim có số thuê bao 0364.801.738 nhắn tin mua số lô, số đề của bị cáo Phạm Thị H với số tiền là 18.530.000đ (số tiền bị cáo tự đánh là 11.040.000đ; bị cáo đánh hộ cho bị cáo Nguyễn Xuân T là 7.490.000đ). Sau khi trừ đi số tiền được chiết khấu %, số tiền thực tế bị cáo phải trả để mua số đề là 6.130.000đ (sáu triệu một trăm ba mươi nghìn đồng). Căn cứ kết quả xổ số kiến thiết miền Bắc mở thưởng ngày 30/10/2024, bị cáo trúng thưởng 100.000 đồng tiền đề là 7.000.000đ. Tổng số tiền bị cáo đánh bạc là 18.040.000đ.

Ngoài ra bị cáo còn đánh hộ bị cáo T là 7.490.000đ (số tiền lô là 690.000đ, tiền đề là 6.800.000đ). Sau khi nhận số lô, số đề từ T bị cáo gửi toàn bộ số lô, số đề cho bị cáo H và không hưởng lợi từ việc gửi hộ T. Căn cứ kết quả xổ số kiến thiết miền Bắc mở thưởng ngày 30/10/2024, số lô T gửi trúng thưởng 30 điểm lô với số tiền là 2.400.000đ và 200.000đ số đề với số tiền là 14.000.000đ (mười bốn triệu đồng). Tổng số tiền mua số lô, số đề và tiền trúng thưởng của T gửi H1 là 23.890.000đ.

- Bị cáo Nguyễn Xuân T khai: Bị cáo bán vé xổ số tại tổ 15 phường M, thành phố H, ngày 30/10/2024 bị cáo ghi vé số của Công ty xổ số cho những người sau:

1. Anh Đỗ Phúc Y nhắn tin qua Zalo từ tài khoản được lưu là “A Y Hx” đến Zalo của T với nội dung mua vé số của công ty xổ số do T ghi với số tiền là 100.000đ.

2. Anh Trần Hữu T đến trực tiếp bàn mua vé số của T để mua vé lô tô của nhà nước, anh T mua đây 23 x 100.000đ (có nghĩa là anh T mua các số 23.28.32.82.87.78.73.37 mỗi số tương ứng với số tiền mua 100.000đ). Tổng số tiền mua vé số là 800.000 đồng.

3. Một người khách tên C có Số thuê bao 0358.028.535 nhắn tin mua số lô, số đề đến số điện thoại của T với số tiền là 5.190.000đ (số lô là 690.000đ, mua các số đề là 4.500.000đ). Sau khi nhận được số lô, số đề của người đàn ông tên C bị cáo T đánh thêm 1.400.000đ và chuyển 900.000đ tiền của khách mua vé xổ số sang cho H1 để được hưởng phần trăm cao hơn so với công ty xổ số. Bị cáo xác nhận nhờ bị cáo H1 đánh hộ số lô, số đề với số tiền 7.490.000đ như bị cáo H1

khai là đúng. Sau khi trừ đi số tiền được chiết khấu %, số tiền thực tế bị cáo phải trả để mua số lô, số đề là 6.130.000đ.

- Về hình thức mua, bán số lô, số đề và phương thức thanh toán:

* Hình thức mua, bán số lô:

- Số lô: Có 100 ô số lô là các số tự nhiên gồm hai chữ số (từ 00 đến 99), đối tượng đánh bạc có quyền lựa chọn các ô số bất kỳ để mua với số “điểm” tùy ý. Sau đó đối chiếu với kết quả xổ số miền Bắc cùng ngày, ô số đã mua trùng với hai số cuối của một trong các giải là ô trúng thưởng.

* Hình thức mua, bán số đề:

- Số đề: Có 100 ô số là các số tự nhiên gồm hai chữ số (từ 00 đến 99), đối tượng đánh bạc có quyền lựa chọn các ô số bất kỳ để mua với số tiền tùy ý, sau đó đối chiếu với kết quả xổ số miền Bắc cùng ngày, ô số đã mua trùng với hai số cuối của giải đặc biệt là ô trúng thưởng.

* Phương thức thanh toán:

- Các đối tượng thống nhất có thể thanh toán ngay sau khi có kết quả mở thưởng xổ số miền bắc cùng ngày hoặc ngày hôm sau gặp trực tiếp để thanh toán. Sau khi có kết quả xổ số kiến thiết miền Bắc mở thưởng trong ngày, các bị can sẽ tính tiền mua số lô là 23.000 đồng x 1 điểm lô, số đề với giá 80% và tiền trúng thưởng, sau đó chốt số tiền thắng thua, thanh toán tiền cho nhau theo thỏa thuận, số tiền thanh toán trực tiếp bằng tiền mặt.

Về vật chứng vụ án: Quá trình điều tra Cơ quan Cảnh sát điều tra công an thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang đã thu giữ vật chứng gồm:

- Số tiền 5.838.000 đồng; trong đó, số tiền 4.320.000^đ là tiền những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan giao nộp, 1.518.000^đ thu giữ tại nhà bị cáo Nguyễn Xuân T.

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE 6, vỏ màu xám, bên trong có gắn thẻ sim số thuê bao 0329.558.740 của Phạm Thị H (đã qua sử dụng);

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE XSMAX, vỏ màu đen, bên trong gắn thẻ sim số thuê bao 0387.789.079 của Phạm Thị H (đã qua sử dụng);

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE XS, vỏ màu vàng, bên trong gắn thẻ sim số thuê bao 0949.416.777 của Phạm Thị H (đã qua sử dụng);

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE 8 PLUS, vỏ màu vàng, bên trong gắn thẻ sim số thuê bao 0946.572.019 của Phạm Thị H (đã qua sử dụng);

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG, vỏ màu vàng, bên trong gắn thẻ sim số thuê bao 0375.602.269 và số thuê bao 0382.797.479 của Lý Thị X (đã qua sử dụng);

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu VIVO, vỏ màu xanh, bên trong gắn thẻ sim số thuê bao 0398.474.862 của Tăng Văn V (đã qua sử dụng);

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE 11, vỏ màu xanh, bên trong gắn thẻ sim số thuê bao 0967.520.616 của Ngô Duy G (đã qua sử dụng);

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE Xr, vỏ màu đen, bên trong gắn thẻ sim số thuê bao 0364.801.738 của Phan Xuân H1 (đã qua sử dụng);
- 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO, vỏ màu đen, bên trong gắn thẻ sim số thuê bao 0915.765.528 của Nguyễn Văn T (đã qua sử dụng);
- 01 điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG, vỏ màu đen, bên trong gắn thẻ sim số thuê bao 0914.602.495 của Nguyễn Xuân Th (đã qua sử dụng);
- 01 điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG A14, vỏ màu đen, bên trong gắn thẻ sim số thuê bao 0961.597.080 và số thuê bao 0943.918.970 của Nguyễn Xuân T (đã qua sử dụng);
- 01 điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG J6, vỏ màu đen, bên trong gắn thẻ sim số thuê bao 0332.023.045 của Nguyễn Xuân T (đã qua sử dụng);
- 01 điện thoại di động nhãn hiệu VIVO, vỏ màu xanh, bên trong gắn thẻ sim số thuê bao 0976.077.558 của Nguyễn Trường K (đã qua sử dụng).

Với nội dung trên, Cáo trạng số 05/CT-VKSTPHG ngày 20 tháng 01 năm 2025 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố H truy tố các bị cáo Phạm Thị H, Phan Xuân H1, Nguyễn Xuân T về tội “Đánh bạc” theo khoản 1, Điều 321 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, các bị cáo đều khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung bản Cáo trạng đã nêu, các bị cáo không bổ sung ý kiến. Bị cáo H đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo xin lại 2 chiếc điện thoại nhãn hiệu IPHONE XSMAX là của bị cáo dùng để liên lạc với người nhà, điện thoại IPHONE XS là của con trai bị cáo tên Lê Quang H, không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo; bị cáo T xin lại điện thoại SAMSUNG J6 là của con bị cáo.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa gồm: Ngô Duy G, Nguyễn Trường Kh, Lý Thị X đều xác nhận lời khai của bị cáo H về việc những người này nhắn tin đánh lô, đề với bị cáo H là đúng sự thật. Những người này đều có nguyện vọng xin lại điện thoại mà cơ quan công an đã thu giữ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Lê Quang H có ý kiến: Đề nghị Hội đồng xét xử cho anh xin lại chiếc điện thoại IPHONE 8 PLUS mà cơ quan công an đã thu giữ của anh tại nhà khi khám xét, chiếc điện thoại trên anh dùng để liên lạc, không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo H.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H duy trì quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên nội dung truy tố các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo: Phạm Thị H, Phan Xuân H1, Nguyễn Xuân T về tội “Đánh bạc”.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Phạm Thị H từ 30 đến 36 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 60 tháng, thời hạn tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Phan Xuân H1 từ 20 đến 24 tháng tù cho hưởng

án treo, thời gian thử thách từ 40 đến 48 tháng, thời hạn tình từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao các bị cáo cho Ủy ban nhân dân (gọi tắt là UBND) xã, phường nơi bị cáo cư trú giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm i, p, s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 50, 58 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Xuân Tiến từ 12 đến 18 tháng cải tạo không giam giữ, giao bị cáo cho UBND xã, phường nơi bị cáo cư trú giám sát, giáo dục.

* Về biện pháp tư pháp: Đề nghị truy thu số tiền của các bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc và được hưởng lợi từ việc đánh bạc gồm: Truy thu của bị cáo Phạm Thị H số tiền 23.800.000^d, bị cáo H1 8.832.000^d; bị cáo T 6.130.000^d.

* Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Điều 47 của Bộ luật hình sự:

- Tịch thu sung quỹ nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE 6, gắn thẻ sim số thuê bao 0329.558.740, 01 điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE 8 PLUS, thẻ sim số thuê bao 0946.572.019 của Phạm Thị H; 01 điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE Xr gắn thẻ sim số thuê bao 0364.801.738 của Phan Xuân H1; 01 điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG A14, gắn thẻ sim số thuê bao 0961.597.080 và số thuê bao 0943.918.970 của Nguyễn Xuân T; số tiền 4.320.000^d do những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan giao nộp.

- Trả lại 02 điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE XSMAX, bên trong gắn thẻ sim số thuê bao 0387.789.079 và điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE XS gắn thẻ sim số thuê bao 0949.416.777 cho Phạm Thị H; 01 điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG J6, gắn thẻ sim số thuê bao 0332.023.045 và số tiền 1.518.000^d cho Nguyễn Xuân T do không liên quan đến tội phạm nhưng tạm giữ số tiền trên để đảm bảo việc thi hành án.

- Trả lại cho những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: 01 điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG, gắn thẻ sim số thuê bao 0375.602.269 và số thuê bao 0382.797.479 cho Lý Thị X; 01 điện thoại di động nhãn hiệu VIVO, gắn thẻ sim số thuê bao 0398.474.862 cho Tăng Văn V; 01 điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE 11, gắn thẻ sim số thuê bao 0967.520.616 cho Ngô Duy G; 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO, gắn thẻ sim số thuê bao 0915.765.528 cho Nguyễn Văn T; 01 điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG, gắn thẻ sim số thuê bao 0914.602.495 của Nguyễn Xuân Th; 01 điện thoại di động nhãn hiệu VIVO, gắn thẻ sim số thuê bao 0976.077.558 của Nguyễn Trường K.

Ngoài ra, buộc các bị cáo H, H1 phải chịu án phí theo quy định của pháp luật, miễn án phí cho bị cáo T.

Các bị cáo nhất trí với Điều luật áp dụng, tội danh, mức hình phạt mà Kiểm sát viên đã đề nghị trong Bản luận tội.

Lời nói sau cùng: Các bị cáo đều đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho các bị cáo được hưởng án treo, cải tạo không giam giữ để các bị cáo có cơ hội sửa chữa lỗi lầm của bản thân.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Giang, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự; quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng; do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa vắng mặt những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm: Nguyễn Xuân Th, Tăng Văn V, Nguyễn Xuân T, tuy nhiên những người này đã có lời khai trong giai đoạn điều tra. Xét thấy việc vắng mặt những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan tại phiên tòa không làm ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án. Căn cứ Điều 292 Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử thảo luận và quyết định vẫn tiếp tục tiến hành xét xử vụ án.

[3] Về hành vi phạm tội của các bị cáo: Tại phiên tòa, các bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai nhận tội của các bị cáo thống nhất, phù hợp với lời khai của các bị cáo tại giai đoạn điều tra, lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, những tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, được thể hiện như: Biên bản bắt người phạm tội quả tang ngày 30/10/2024, biên bản kiểm tra người và tạm giữ đồ vật, tài liệu, biên bản niêm phong đồ vật, tài liệu bị tạm giữ; biên bản kiểm tra điện thoại; Quyết định trưng cầu giám định và Kết luận giám định số: 417/KL-KTHS ngày 28/11/2024 của Phòng KTHS Công an tỉnh Hà Giang cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Vào hồi 18 giờ 30 phút ngày 30/10/2024 bị cáo Phạm Thị H đã thực hiện hành vi đánh bạc bằng hình thức mua bán số lô, số đề thông qua tin nhắn trên điện thoại di động với 08 người gồm: Phan Xuân H1, Ngô Duy G, Nguyễn Xuân Th, Tăng Văn V, Nguyễn Trường K, Lý Thị X, Nguyễn Văn T và số thuê bao 0364.483.864. Ngoài ra, Bị cáo Nguyễn Xuân T thông qua bị cáo Phan Xuân H1 cũng thực hiện hành vi đánh bạc bằng hình thức mua bán số lô, số đề, cụ thể:

[4] Đối với bị cáo Phạm Thị H: Ngày 30/10/2024, bị cáo H thực hiện hành vi Đánh bạc bằng hình thức mua bán số lô, số đề, thông qua tin nhắn trên điện thoại di động với 08 người chơi với tổng số tiền là 24.850.000đ (số tiền đề là 23.700.000đ, tiền lô là 1.150.000đ). Người chơi trúng thưởng số lô là 2.800.000đ, số đề là 21.000.000đ. Sau khi nhận số lô, số đề của người chơi bị cáo không gửi cho ai mà giữ lại đề sau khi có kết quả xổ số bị cáo tự tính thắng thua với người chơi. Tổng số tiền bị cáo Phạm Thị H đánh bạc là tiền bán số lô, số đề cộng với tiền trúng thưởng là 48.650.000đ.

[5] Đối với bị cáo Phan Xuân H1: Ngày 30/10/2024, bị cáo đã đánh bạc bằng hình thức mua bán số lô, số đề với tổng số tiền là 41.930.000đ, trong đó: số tiền bị cáo H1 trực tiếp đánh là 11.040.000đ, bị cáo đánh hộ bị cáo T số tiền là 7.490.000đ, số tiền trúng thưởng số lô là 2.400.000đ, số tiền trúng thưởng số đề là 21.000.000đ.

[6] Đối với bị cáo Nguyễn Xuân T: Ngày 30/10/2024, bị cáo T chuyển số lô, số đề cho bị cáo Phan Xuân H1 để mua số lô, số đề với số tiền là 7.490.000đ. Do bị cáo bị cơ quan chức năng ngăn chặn trước khi có kết quả xổ số kiến thiết nên không tính số tiền trúng thưởng của các số lô, số đề bị cáo T đã chuyển cho bị cáo H1. Tổng số tiền bị cáo T đánh bạc là 7.490.000đ

[7] Như vậy, hành vi đánh bạc của các bị cáo Phạm Thị H, Phan Xuân H1, Nguyễn Xuân T đã đủ yếu tố cấu thành tội Đánh bạc quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự.

[8] Viện kiểm sát nhân dân thành phố H truy tố các bị cáo là người đứng người, đứng tội, đứng pháp luật. Mức hình phạt mà Kiểm sát viên đề nghị phù hợp với tính chất, mức độ của hành vi phạm tội của các bị cáo.

[9] Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo thấy rằng: Hành vi đánh bạc của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến trật tự công cộng, nếp sống văn minh của xã hội. Lô đề là tệ nạn xã hội, là một trong những nguyên nhân làm phát sinh các tội phạm khác, gây mất trật tự trị an địa phương, làm tiêu tán tài sản, kinh tế của nhiều gia đình. Các bị cáo đều là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự theo quy định, biết rõ đánh bạc dưới hình thức chơi số lô, số đề là vi phạm pháp luật, nhưng vì muốn thu lợi nhanh chóng nên các bị cáo vẫn cố ý thực hiện hành vi phạm tội. Do đó hành vi trái pháp luật của các bị cáo cần xử lý nghiêm, tương xứng với hành vi phạm tội mà các bị cáo gây ra.

[10] Đây là vụ án đồng phạm giản đơn, giữa các bị cáo không có sự bàn bạc, câu kết, phân công trách nhiệm cụ thể cho nhau để đánh bạc mà do các bị cáo tự phát thực hiện hành vi phạm tội. Khi xem xét, quyết định hình phạt cũng cần phân tích đánh giá tính chất, vai trò, trách nhiệm của từng bị cáo để cá thể hóa mức hình phạt cho phù hợp.

[11] Xét vai trò của bị cáo H: Bị cáo là người có vai trò khởi xướng, tích cực thực hiện hành vi phạm tội. Bị cáo là chủ lô đề đã nhận số lô, số đề của bị cáo H1 và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan qua tin nhắn với tổng số tiền là 48.650.000đ để nhằm mục đích thu lợi bất chính. Vì vậy, cần buộc bị cáo H phải chịu mức hình phạt cao hơn các bị cáo khác.

[12] Xét vai trò của bị cáo H1 và bị cáo T: Bị cáo T có mối quen hệ quen biết với bị cáo H, biết bị cáo H nhận đánh bạc dưới hình thức mua bán số lô, số đề bị cáo đã đánh bạc trực tiếp với bị cáo H. Ngày 30/10/2024, bị cáo T đã trực tiếp nhắn tin cho bị cáo H1 để mua số lô, số đề với tổng số tiền 7.490.000đ. Bị cáo H1 nhắn tin cho bị cáo H để mua lô, đề cho cả H1 và T với số tiền 18.530.000đ. Do đó, bị cáo H1, bị cáo T đều là đồng phạm nhưng vai trò của bị cáo H1 tích cực hơn nên phải chịu mức hình phạt cao hơn bị cáo T.

[13] Xét nhân thân: Các bị cáo Phạm Thị H, Phan Xuân H, Nguyễn Xuân T là những người có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, có nơi cư trú ổn định, rõ ràng. Xét thấy, bị cáo H, bị cáo H1 có đủ điều kiện được hưởng án treo theo quy định tại Điều 65 Bộ luật hình sự; bị cáo T bị bệnh, được chính quyền địa phương xác nhận là người khuyết tật nặng nên không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà cho các bị cáo được cải tạo, giáo dục tại địa phương như đề nghị của VKS cũng đủ mức răn đe, giáo dục các bị cáo thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

[14] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

[15] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự “*Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng*” và “*Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải*” theo quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo Nguyễn Xuân T là người khuyết tật có giấy xác nhận khuyết tật nặng nên bị cáo T được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm p khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự

[16] Xét thấy bị cáo T là lao động tự do, bệnh tật, không có thu nhập ổn định nên miễn khấu trừ thu nhập theo quy định tại khoản 3 Điều 36 của Bộ luật hình sự và không cần phải áp dụng khoản 4 Điều 36 của Bộ luật hình sự đối với các bị cáo trong thời gian chấp hành hình phạt Cải tạo không giam giữ.

[17] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 3 Điều 321 của Bộ luật hình sự thì người phạm tội có thể bị phạt tiền. Tuy nhiên, xét thấy các bị cáo đều là lao động tự do, không có thu nhập ổn định, do vậy không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[18] Về biện pháp tư pháp: Truy thu số tiền của các bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc và được hưởng lợi từ việc đánh bạc gồm: Truy thu của bị cáo Phạm Thị H số tiền 23.800.000^d (là tiền người chơi trúng thưởng), bị cáo Phan Xuân H1 8.832.000^d; bị cáo Nguyễn Xuân T 6.130.000^d (tiền mà bị cáo đáng lẽ phải trả cho bị cáo H sau khi trừ đi chiết khấu 20% trên số tiền bị cáo đánh bạc).

[19] Về vật chứng: Đối với những vật chứng cơ quan công an thành phố H tạm giữ, quá trình điều tra xác định không liên quan đến hành vi phạm tội, đã trả lại cho các chủ sở hữu tại giai đoạn điều tra, Hội đồng xét xử không xem xét.

[20] Đối với những vật chứng đã thu giữ còn lại được chuyển theo hồ sơ vụ án, trên cơ sở nghiên cứu tài liệu, chứng cứ và quá trình tranh tụng tại phiên tòa. Căn cứ Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Điều 46, 47 của Bộ luật hình sự, xử lý như sau:

[21] Những vật chứng là tiền bạc và tài sản, công cụ, phương tiện xác định trực tiếp liên quan đến tội phạm bị tịch thu, nộp vào Ngân sách nhà nước như sau: Đối với 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE 6, vỏ màu xám, bên trong có gắn thẻ sim có số thuê bao **0329.558.740** của Phạm Thị H (*đã qua sử dụng*); 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE 8 PLUS, vỏ màu vàng, bên trong có gắn thẻ sim có số thuê bao **0946.572.019** của bà Phạm Thị H (*đã qua sử dụng*); 01 (*một*) điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE Xr, vỏ màu đen, bên trong có gắn thẻ sim có số thuê bao **0364.801.738** của Phan Xuân H1 (*đã qua sử dụng*); 01 (*một*)

điện thoại di động, nhãn hiệu SAMSUNG A14, vỏ màu đen, bên trong có gắn thẻ sim có số thuê bao **0961.597.080** và số thuê bao **0943.918.970** của Nguyễn Xuân T (*đã qua sử dụng*); số tiền: 4.320.000^d do những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan giao nộp. Quá trình điều tra và tại phiên tòa xác định được các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan sử dụng làm công cụ, phương tiện phạm tội nên tịch thu sung ngân sách nhà nước.

[22] Trả lại cho bị cáo T số tiền không sử dụng vào mục đích phạm tội nhưng tạm giữ để đảm bảo việc thi hành án, số tiền: 1.518.000^d.

[23] Trả lại tài sản đã thu giữ của các bị cáo được xác định không liên quan đến hành vi phạm tội, gồm: Trả lại 02 điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE XSMAX, bên trong gắn thẻ sim số thuê bao 0387.789.079 và điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE 8 PLUS, gắn thẻ sim số thuê bao 0949.416.777 cho Phạm Thị H; 01 điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG J6, gắn thẻ sim số thuê bao 0332.023.045 cho Nguyễn Xuân T.

[24] Trả lại tài sản đã thu giữ của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan do hành vi đánh bạc của những người này chưa đủ yếu tố cấu thành tội phạm và đã bị xử lý vi phạm hành chính, gồm: Trả lại 01 điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG, gắn thẻ sim số thuê bao 0375.602.269 và số thuê bao 0382.797.479 cho Lý Thị X; 01 điện thoại di động nhãn hiệu VIVO, gắn thẻ sim số thuê bao 0398.474.862 cho Tăng Văn V; 01 điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE 11, gắn thẻ sim số thuê bao 0967.520.616 cho Ngô Duy G; 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO, gắn thẻ sim số thuê bao 0915.765.528 cho Nguyễn Văn T; 01 điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG, gắn thẻ sim số thuê bao 0914.602.495 của Nguyễn Xuân Th; 01 điện thoại di động nhãn hiệu VIVO, gắn thẻ sim số thuê bao 0976.077.558 của Nguyễn Trường K.

[25] Hành vi đánh bạc của Nguyễn Trường K, Nguyễn Văn T, Tăng Văn V, Lý Thị X, Ngô Duy G, Nguyễn Xuân Th vào ngày 30/10/2024 không đủ yếu tố cấu thành tội Đánh bạc quy định tại Điều 321, Bộ luật hình sự, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố H đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với Nguyễn Trường Kh, Nguyễn Văn T, Tăng Văn V, Lý Thị X, Ngô Duy G, Nguyễn Xuân Th về hành vi đánh bạc trái phép theo quy định tại Khoản 1, Điều 28, Nghị định 144/2021/NĐ-CP ngày 31/12/2021 của Chính phủ. Xử phạt mỗi người số tiền 350.000 đồng. Xét việc xử lý của Cảnh sát điều tra Công an thành phố H là phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận.

[26] Đối với những người trực tiếp sử dụng các số thuê bao: 0358.028.535 và 0364.483.865 được bị cáo T và bị cáo H khai có tên là C và T nhắn tin mua số lô, số đề với các bị cáo ngày 30/10/2024. Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra chưa đủ căn cứ xác định nhân thân lai lịch nên tách ra để tiếp tục điều tra và xử lý theo quy định khi có đủ căn cứ là đúng quy định pháp luật.

[27] Về án phí: Các bị cáo H, H1 phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Bị cáo T là người khuyết tật và có đơn xin miễn án phí nên được miễn án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[28] Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo: Phạm Thị H, Phan Xuân H1, Nguyễn Xuân T phạm tội “Đánh bạc”.

2. Hình phạt:

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17, Điều 50, Điều 58, Điều 65 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Phạm Thị H 32 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 60 tháng, thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm ngày 12/03/2025.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17, Điều 50, Điều 58, Điều 65 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Phan Xuân H1 24 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 48 tháng, thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm ngày 12/03/2025.

Giao bị cáo Phạm Thị H và bị cáo Phan Xuân H1 cho Ủy ban nhân dân phường M, thành phố H có trách nhiệm giám sát giáo dục các bị cáo trong thời gian thử thách. Gia đình các bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú cùng giám sát, giáo dục bị cáo.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của Luật Thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước đó và tổng hợp hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 BLHS.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321, Điều 17, 36, 58, điểm i, p, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Xuân T 16 tháng cải tạo không giam giữ, được khấu trừ thời gian bị tạm giam, tạm giữ từ ngày 30/10/2024 đến ngày 04/11/2024 là 5 ngày (quy đổi 01 ngày tạm giữ bằng 03 ngày cải tạo không giam giữ) là 15 ngày, bị cáo còn phải chấp hành chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ là 15 tháng 15 ngày.

Thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ của bị cáo Nguyễn Xuân T được tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã, phường nơi bị cáo cư trú nhận được Bản án và Quyết định thi hành án. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân phường N, thành phố H, tỉnh Hà Giang nơi bị cáo cư trú giám sát, giáo dục.

3. Về biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Tịch thu sung ngân sách Nhà nước:

+ 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE 6, vỏ màu xám, bên trong có gắn thẻ sim có số thuê bao **0329.558.740** của bị cáo Phạm Thị H (đã qua sử dụng).

+ 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE 8 PLUS, vỏ màu vàng, bên trong có gắn thẻ sim có số thuê bao **0946.572.019** của bị cáo Phạm Thị H (đã qua sử dụng).

+ 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE Xr, vỏ màu đen, bên trong có gắn thẻ sim có số thuê bao **0364.801.738** của bị cáo Phan Xuân H1 (đã qua sử dụng).

+ 01 (một) điện thoại di động, nhãn hiệu SAMSUNG A14, vỏ màu đen, bên trong có gắn thẻ sim có số thuê bao **0961.597.080** và số thuê bao **0943.918.970** của bị cáo Nguyễn Xuân T (đã qua sử dụng).

+ Số tiền 4.320.000^d (Bốn triệu ba trăm hai mươi nghìn đồng) do Cơ quan điều tra Công an thành phố Hà Giang nộp vào tài khoản tạm giữ số 3949.0.9049423.00000 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố H tại Kho bạc nhà nước tỉnh Hà Giang.

- Trả lại tài sản đã thu giữ của các bị cáo, gồm:

+ Trả lại cho bị cáo Nguyễn Xuân T số tiền: 1.518.000^d (Một triệu năm trăm mười tám nghìn đồng chẵn) nhưng tạm giữ để đảm bảo việc thi hành án.

+ Trả lại cho bị cáo Phạm Thị H 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE XS MAX, vỏ màu đen, bên trong có gắn thẻ sim có số thuê bao **0387.789.079** (đã qua sử dụng);

+ Trả lại cho bị cáo Phạm Thị H 01 điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE XS, vỏ màu vàng, bên trong gắn thẻ sim số thuê bao 0949.416.777 (đã qua sử dụng);

+ Trả lại cho bị cáo Nguyễn Xuân T 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG J6, vỏ màu đen, bên trong có gắn thẻ sim có số thuê bao **0332.023.045** (đã qua sử dụng).

- Trả lại tài sản cho những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, gồm:

+ Trả lại cho bà Lý Thị X: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG, vỏ màu vàng, bên trong có gắn thẻ sim có số thuê bao **0375.602.269** và số thuê bao **0382.797.479** (đã qua sử dụng).

+ Trả lại cho ông Tăng Văn V: 01 (một) điện thoại di động, nhãn hiệu VIVO, vỏ màu xanh, bên trong có gắn thẻ sim có số thuê bao **0398.474.862** (đã qua sử dụng).

+ Trả lại cho ông Ngô Duy G: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE 11, vỏ màu xanh, bên trong có gắn thẻ sim có số thuê bao **0967.520.616** (đã qua sử dụng).

+ Trả lại cho ông Nguyễn Văn T: 01 (một) điện thoại di động, nhãn hiệu OPPO, vỏ màu đen, bên trong có gắn thẻ sim có số thuê bao **0915.765.528** (đã qua sử dụng).

+ Trả lại cho ông Nguyễn Xuân Th: 01 (một) điện thoại di động, nhãn hiệu SAMSUNG, vỏ màu đen, bên trong có gắn thẻ sim có số thuê bao **0914.602.495** (đã qua sử dụng).

+ Trả lại cho ông Nguyễn Trường K: 01 (một) điện thoại di động, nhãn hiệu VIVO, vỏ màu xanh, bên trong có gắn thẻ sim có số thuê bao **0976.077.558** (đã qua sử dụng) nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

Vật chứng được bàn giao giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố H và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H theo biên bản bàn giao vật chứng ngày 22/01/2025.

- Về biện pháp tư pháp:

+ Truy thu của bị cáo Phạm Thị H số tiền 23.800.000đ (Hai mươi ba triệu tám trăm nghìn đồng) để sung Ngân sách Nhà nước.

+ Truy thu của bị cáo Phan Xuân H1 số tiền 8.832.000đ (Tám triệu, tám trăm ba hai nghìn đồng) để sung Ngân sách Nhà nước.

+ Truy thu của bị cáo Nguyễn Xuân T số tiền 6.130.000đ (Sáu triệu một trăm ba mươi nghìn đồng) để sung Ngân sách Nhà nước.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền trên (trừ án phí), hàng tháng các bị cáo Hoa, Hiền, Tiến phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

4. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và điểm đ khoản 1 Điều 12; Khoản 1, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Các bị cáo Phạm Thị H, Phan Xuân H1 mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Nguyễn Xuân T.

5. Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331, Điều 333 và Điều 337 của BLTTHS: Án xử công khai báo cho các bị cáo, người có quyền lợi liên quan có mặt tại phiên tòa biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Giang;
- VKSND tỉnh Hà Giang;
- Sở Tư pháp tỉnh Hà Giang;
- VKSND TP H;
- CA tỉnh Hà Giang;
- CQ THAHS TP H
- Chi cục THADS TP H;
- Các bị cáo, người tham gia tố tụng;
- UBND P.N, P. M;
- Lưu hồ sơ HS-BP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Thị Kim Quy